

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THIẾT BỊ ĐIỆN MIỀN BẮC**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**

# **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN MIỀN BẮC**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN MIỀN BẮC**

KCN Quế Võ, Phường Phương Liễu, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 25





### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị điện Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

#### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

##### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Vũ Thị Thư	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 22/02/2024)
Bà Cung Tố Lan	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 22/02/2024)
Bà Trần Thị Thu Thủy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên

##### **BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Đỗ Thị My	Trưởng ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 22/02/2024)
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Trưởng ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 22/02/2024)
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Bà Vũ Quỳnh Hoa	Thành viên

##### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Trần Thị Thu Thủy	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

##### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ vấn đề được nêu trong Báo cáo kiểm toán độc lập kèm theo, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Trần Thị Thu Thủy**  
**Tổng Giám đốc**  
Ngày 29 tháng 3 năm 2025



Số: 96/2025/RSMHN-BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

V/v: Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024  
của Công ty Cổ phần Thiết bị điện Miền Bắc

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Miền Bắc**

### Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết bị điện Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 06 đến trang 25. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài nước CHXHCN Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**SỨC MẠNH TỪ VIỆC THẤU HIỂU**

KIỂM TOÁN | THUẾ | TƯ VẤN



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như được trình bày tại thuyết minh 4.1 "Tiền và các khoản tương đương tiền", tại ngày 31/12/2024 số dư tiền mặt của Công ty là 11.925.420.860 VND được hình thành từ các giao dịch rút/nộp tiền gửi ngân hàng sang tiền mặt với giá trị lớn trong năm. Chúng tôi đã thực hiện thủ tục chứng kiến kiểm kê tiền mặt và các thủ tục khác để kiểm tra bản chất của các giao dịch liên quan. Nhưng chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định tính hợp lý của số dư tiền mặt này tại ngày 31/12/2024. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hợp lý của số dư tiền mặt của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như ảnh hưởng của nó đến các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu ra tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị điện Miền Bắc tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Lê Đại Dương**  
Giám đốc Kiểm toán  
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
4650-2021-026-1

Thay mặt và đại diện  
Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam  
Thành viên Hãng RSM Quốc tế

Hà Nội, Ngày 29 tháng 3 năm 2025

**Vũ Tất Ban**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
5110-2025-026-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>39.347.550.759</b>	<b>55.035.751.591</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>35.355.406.059</b>	<b>2.913.188.253</b>
1. Tiền	111		35.355.406.059	236.188.253
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.677.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>32.279.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	32.279.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.987.100.017</b>	<b>14.232.790.234</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	13.492.930.588	13.492.930.588
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		36.117.246	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		-	739.859.646
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.3	(9.541.947.817)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.4</b>	<b>-</b>	<b>5.610.773.104</b>
1. Hàng tồn kho	141		5.224.449.752	5.902.449.826
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.224.449.752)	(291.676.722)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.044.683</b>	<b>-</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.5	5.044.683	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>31.607.632.688</b>	<b>34.371.633.144</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>19.827.658.409</b>	<b>21.363.425.005</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	19.827.658.409	21.363.425.005
Nguyên giá	222		48.704.229.336	48.704.229.336
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.876.570.927)	(27.340.804.331)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.779.974.279</b>	<b>13.008.208.139</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	11.779.974.279	13.008.208.139
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>70.955.183.447</b>	<b>89.407.384.735</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>283.025.794</b>	<b>630.711.985</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>283.025.794</b>	<b>630.711.985</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		19.556.258	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.5	-	258.774.061
3. Phải trả người lao động	314		-	90.468.387
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		65.000.000	83.000.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		10.800.000	10.800.000
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		187.669.536	187.669.537
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>4.8</b>	<b>70.672.157.653</b>	<b>88.776.672.750</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>70.672.157.653</b>	<b>88.776.672.750</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		88.485.000.000	88.485.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		88.485.000.000	88.485.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		386.400.000	386.400.000
3. (Lỗ) lũy kế	421		(18.199.242.347)	(94.727.250)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(94.727.250)	-
- (Lỗ) năm nay	421b		(18.104.515.097)	(94.727.250)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>70.955.183.447</b>	<b>89.407.384.735</b>



Trần Thị Thu Thủy  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 3 năm 2025

Đỗ Thị Thường  
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thường  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và dịch vụ	01	5.1	748.268.250	39.105.095.868
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10		748.268.250	39.105.095.868
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	6.678.193.500	38.156.104.676
5. (Lỗ)/lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		(5.929.925.250)	948.991.192
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	532.142.104	2.674.802.602
7. Chi phí tài chính	22		-	4.800
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	12.706.731.951	3.471.566.209
10. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(18.104.515.097)	152.222.785
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		-	-
14. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(18.104.515.097)	152.222.785
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.5	-	246.950.035
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(18.104.515.097)	(94.727.250)
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	4.8.4	(2.046)	(11)
19. Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	71	4.8.4	(2.046)	(11)



Trần Thị Thu Thủy  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 3 năm 2025

Đỗ Thị Thường  
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thường  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	01	5.5	(18.104.515.097)	152.222.785
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.794.625.456	1.538.582.592
- Các khoản dự phòng	03		14.474.720.847	291.676.722
- (Lãi) chênh lệch TGHĐ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.3	(230.000)	(129.000)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	5.3	(531.912.104)	(2.601.225.478)
3. (Lô) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1.367.310.898)	(618.872.379)
- Giảm các khoản phải thu	09		698.697.717	20.165.871.856
- Giảm hàng tồn kho	10		678.000.074	106.094.586
- (Giảm) các khoản phải trả	11		(103.220.156)	(32.293.957.785)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(30.625.000)	1.258.858.860
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.5	(244.466.035)	(290.138.695)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(368.924.298)	(11.672.143.557)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi cho vay, mua các CCN của đơn vị khác	23		(1.000.000.000)	-
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CCN của đơn vị khác	24		33.279.000.000	9.231.682.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.3	531.912.104	3.435.986.089
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		32.810.912.104	12.667.668.089
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.194.547.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(1.194.547.500)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	50		32.441.987.806	(199.022.968)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.1	2.913.188.253	3.112.082.221
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		230.000	129.000
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.1	35.355.406.059	2.913.188.253



Trần Thị Thu Thủy  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 3 năm 2025

*[Signature]*

Đỗ Thị Thường  
Kế toán trưởng

*[Signature]*

Đỗ Thị Thường  
Người lập





## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thiết bị điện Miền Bắc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8788718031 ngày 28/5/2004 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300244882 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 28/5/2004. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay đổi gần nhất lần thứ 06 ngày 26/01/2022, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 10 ngày 22/02/2024 do thay đổi cơ cấu vốn.

Ngày 28/12/2023, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành Thông báo số 5607/TB-SGDHN thông báo chính thức đưa cổ phiếu công ty vào giao dịch trên thị trường UPCoM với mã chứng khoán NEM.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất ngày 22/02/2024, Công ty có vốn điều lệ là 88.485.000.000 VND, chia thành 8.848.500 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Thời gian hoạt động của dự án kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu (ngày 28/5/2004) là 30 năm.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Khu công nghiệp Quế Võ, Phường Phương Liễu, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 03 người (tại ngày 01/01/2024 là 05 người).

#### **1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, kinh doanh thương mại các thiết bị điện.

#### **1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Xây dựng công trình công ích;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

#### **1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

#### **1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Từ cuối năm 2019, Công ty đã dừng hoạt động của dây chuyền sản xuất công tơ. Do đó, các tài sản cố định của Công ty trên dây chuyền này đã không còn sử dụng từ thời điểm đó. Đồng thời, một lượng giá trị hàng tồn kho của Công ty được mua từ năm 2019 cũng chưa sử dụng. Tại ngày 31/12/2024, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho toàn bộ hàng tồn kho tồn đọng.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

#### **2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài nước CHXHCN Việt Nam.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

## 2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

### 2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

### 3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

### 3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

### 3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.



### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

### **3.5 Hàng tồn kho (tiếp)**

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

### **3.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí chủ yếu được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh là giá trị quyền sử dụng đất, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng kỹ thuật.

### **3.7 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

	<b>Thời gian sử dụng ước tính (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 – 29
Máy móc, thiết bị	07 – 12
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	10
Tài sản cố định khác	08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.8 Vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

**3.9 Doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**3.10 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa bán ra trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**3.11 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Tiền thuê đất, thuê môn bài; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại,...); Chi phí bằng tiền khác (tiếp khách).

**3.12 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.13 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.14 Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính. Năm 2024, Công ty hoạt động lỗ nên không phát sinh nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN").

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") của các hàng hóa do Công ty cung cấp theo các mức như sau:

- Bán các sản phẩm bằng đồng (dây đồng,...) và các thiết bị khác 10%

***Các loại thuế khác***

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền mặt (i)	11.925.420.860	66.441.811
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.429.985.199	169.746.442
Các khoản tương đương tiền	-	2.677.000.000
<b>Cộng</b>	<b>35.355.406.059</b>	<b>2.913.188.253</b>

- (i) Số dư tiền mặt được hình thành chính từ các giao dịch giao dịch rút/nộp tiền gửi ngân hàng sang tiền mặt với giá trị lớn trong năm

**4.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
<b>Phải thu bên thứ ba</b>	<b>13.492.930.588</b>	<b>13.492.930.588</b>
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghiệp Á Châu	9.975.798.689	9.975.798.689
Công ty Cổ phần Điện Công nghiệp Hà Nội	3.517.131.899	3.517.131.899
<b>Cộng</b>	<b>13.492.930.588</b>	<b>13.492.930.588</b>

**4.3 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Tại ngày 31/12/2024 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Công ty CP Kỹ thuật Công nghiệp Á Châu	9.975.798.689	2.192.416.821	(7.783.381.868)
Công ty CP Điện Công nghiệp Hà Nội	3.517.131.899	1.758.565.950	(1.758.565.949)
<b>Cộng</b>	<b>13.492.930.588</b>	<b>3.950.982.771</b>	<b>(9.541.947.817)</b>

Tại ngày 31/12/2024, Công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi với giá trị 9.541.947.817 VND theo quyết định số 02/QĐ-TLDP ngày 31/12/2024 của Tổng Giám đốc Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.4 Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
<b>Giá gốc</b>	<b>5.224.449.752</b>	<b>5.902.449.826</b>
Nguyên liệu, vật liệu	3.178.489.163	3.856.489.237
Công cụ, dụng cụ	62.577.476	62.577.476
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	52.146.398	52.146.398
Thành phẩm	1.931.236.715	1.931.236.715
<b>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b>	<b>(5.224.449.752)</b>	<b>(291.676.722)</b>
Nguyên liệu, vật liệu	(3.178.489.163)	(167.678.468)
Công cụ, dụng cụ	(62.577.476)	(32.810.453)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(52.146.398)	(52.146.398)
Thành phẩm	(1.931.236.715)	(39.041.403)
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>5.610.773.104</b>

Hàng tồn kho của Công ty là công tơ điện và các vật tư thiết bị điện khác. Từ cuối năm 2019, Công ty đã dừng hoạt động của dây chuyền sản xuất công tơ. Trong năm, Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng cho toàn bộ mã hàng tồn kho với giá trị là 5.224.449.752 VND theo Quyết định trích lập dự phòng số 01/QĐ-TLDP ngày 31/12/2024 của Tổng Giám đốc Công ty.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2024	38.523.323.644	8.202.544.740	1.853.916.364	53.363.636	71.080.952	48.704.229.336
Tại ngày 31/12/2024	38.523.323.644	8.202.544.740	1.853.916.364	53.363.636	71.080.952	48.704.229.336
HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2024	17.407.408.481	8.188.554.898	1.620.396.364	53.363.636	71.080.952	27.340.804.331
Khấu hao	1.425.503.004	10.183.592	100.080.000	-	-	1.535.766.596
Tại ngày 31/12/2024	18.832.911.485	8.198.738.490	1.720.476.364	53.363.636	71.080.952	28.876.570.927
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2024	21.115.915.163	13.989.842	233.520.000	-	-	21.363.425.005
Tại ngày 31/12/2024	19.690.412.159	3.806.250	133.440.000	-	-	19.827.658.409

Tại ngày 31/12/2024, nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 9.119.205.692 VND (tại ngày 01/01/2024 là 9.027.705.692 VND).

Công ty đã dừng hoạt động của dây chuyền sản xuất công tơ từ cuối năm 2019, do đó các tài sản cố định phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh đã tạm dừng từ cuối năm 2019. Giá trị khấu hao của các tài sản này trong năm 2024 là 1.067.420.396 VND (năm 2023 là 1.070.236.392 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.7 Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Giá trị quyền sử dụng đất, chi phí giải phóng mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật (i)	11.749.349.279	13.008.208.139
Chi phí trả trước dài hạn khác	30.625.000	-
<b>Cộng</b>	<b>11.779.974.279</b>	<b>13.008.208.139</b>

(i) Đây là giá trị còn lại của quyền sử dụng đất, chi phí giải phóng mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật liên quan đến các lô đất với tổng diện tích 23.596 m<sup>2</sup> được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bởi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh ngày 02/7/2020 tại KCN Quế Võ, Phường Phương Liễu, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, ghi nhận theo các Chứng thư thẩm định giá ngày 12/12/2012 và 15/3/2013 do Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA) thực hiện. Theo đó, nguyên giá của khoản mục này là 24.493.652.462 VND được phân bổ trong vòng 30 năm đến hết ngày 28/5/2034 (ngày hết hạn sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

**4.8 Vốn chủ sở hữu**

**4.8.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	(Lỗ) lũy kế VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	88.485.000.000	386.400.000	1.276.217.037	90.147.617.037
Lỗ trong năm	-	-	(94.727.250)	(94.727.250)
Chia các quỹ	-	-	(81.669.537)	(81.669.537)
Trả cổ tức	-	-	(1.194.547.500)	(1.194.547.500)
Tại ngày 31/12/2023	88.485.000.000	386.400.000	(94.727.250)	88.776.672.750
Tại ngày 01/01/2024	88.485.000.000	386.400.000	(94.727.250)	88.776.672.750
Lỗ trong năm	-	-	(18.104.515.097)	(18.104.515.097)
Tại ngày 31/12/2024	88.485.000.000	386.400.000	(18.199.242.347)	70.672.157.653

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.8 Vốn chủ sở hữu (tiếp)**

**4.8.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	Số vốn đã góp			
	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	1.000 VND	%	VND	%
Trần Thị Thu Thủy	31.834.180	35,98	31.834.180	35,98
Nguyễn Thị Phương	23.236.160	26,26	23.236.160	26,26
Vũ Thị Thư	25.558.320	28,88	23.040.320	26,04
Các cổ đông khác	7.856.340	8,88	10.374.340	11,72
<b>Cộng</b>	<b>88.485.000</b>	<b>100</b>	<b>88.485.000</b>	<b>100</b>

**4.8.3 Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2024 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.848.500	8.848.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.848.500	8.848.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	8.848.500	8.848.500
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.848.500	8.848.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	8.848.500	8.848.500
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**4.8.4 (Lỗ) cơ bản và (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(18.104.515.097)	(94.727.250)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	8.848.500	8.848.500
<b>(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (EPS)</b>	<b>(2.046)</b>	<b>(11)</b>

Hiện tại, Công ty xác định chưa có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm nên (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu bằng với (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu.

**4.9 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
1. Ngoại tệ các loại		
- USD	200,00	200,00



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Doanh thu bán hàng và dịch vụ**

	<b>Năm 2024 VND</b>	<b>Năm 2023 VND</b>
Doanh thu bán hàng hóa	748.268.250	39.105.095.868
<b>Cộng</b>	<b>748.268.250</b>	<b>39.105.095.868</b>

**5.2 Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2024 VND</b>	<b>Năm 2023 VND</b>
Giá vốn của hàng hóa đã bán (i)	1.745.420.470	37.864.427.954
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.932.773.030	291.676.722
<b>Cộng</b>	<b>6.678.193.500</b>	<b>38.156.104.676</b>

(i) Trong đó, chi phí khấu hao của các tài sản đã dùng hoạt động tại dây chuyền sản xuất công tơ trong năm 2024 là 1.067.420.396 VND (năm 2023: 1.070.236.392 VND)

**5.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2024 VND</b>	<b>Năm 2023 VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	531.912.104	2.601.225.478
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	-	73.448.124
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	230.000	129.000
<b>Cộng</b>	<b>532.142.104</b>	<b>2.674.802.602</b>

**5.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm 2024 VND</b>	<b>Năm 2023 VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	347.181.150	769.255.865
Chi phí vật liệu văn phòng	33.274.232	35.569.550
Chi phí khấu hao tài sản	468.346.200	468.346.200
Dự phòng phải thu khó đòi	9.541.947.817	32.414.041
Thuế và các khoản lệ phí	18.254.430	431.134.243
Chi phí dịch vụ mua ngoài	858.759.450	1.734.846.310
Chi phí khác bằng tiền	1.438.968.672	
<b>Cộng</b>	<b>12.706.731.951</b>	<b>3.471.566.209</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)**

**5.5 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi/(lỗ) theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

	<b>Năm 2024</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2023</b> <b>VND</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(18.104.515.097)</b>	<b>152.222.785</b>
<b>Các khoản điều chỉnh</b>	<b>1.497.319.396</b>	<b>1.082.527.392</b>
Chi phí không được trừ	430.000.000	12.420.000
Chi phí khấu hao của TSCĐ không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (i)	1.067.420.396	1.070.236.392
(Lãi) do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá năm nay	(230.000)	(129.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại năm trước	129.000	-
<b>Thu nhập chịu thuế TNDN</b>	<b>(16.607.195.701)</b>	<b>1.234.750.177</b>
<b>Thu nhập tính thuế của năm</b>	<b>(16.607.195.701)</b>	<b>1.234.750.177</b>
Thuế suất (%)	20%	20%
<b>Thuế TNDN ước tính trong năm</b>	<b>-</b>	<b>246.950.035</b>
<b>CP thuế TNDN hiện hành ước tính</b>	<b>-</b>	<b>246.950.035</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	244.466.035	287.654.695
Thuế TNDN đã trả trong năm	(244.466.035)	(290.138.695)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>244.466.035</b>

(i) Chi tiết xem tại Thuyết minh 4.5 "Tài sản cố định hữu hình".



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)**

**5.6 Lỗ kết chuyển**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 05 năm tính từ năm tiếp theo sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Chi tiết các khoản đã chuyển trong năm và các khoản lỗ tính thuế còn lại ước tính để chuyển lỗ như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Tình trạng kiểm tra thuế	Lỗ tính thuế (i) VND	Lỗ chưa sử dụng đến ngày 01/01/2024 VND	Chuyển lỗ trong năm VND	Không còn hiệu lực VND	Chưa sử dụng đến ngày 31/12/2024 VND
2024	2029	Chưa QT	(16.607.195.701)	-	-	-	(16.607.195.701)
<b>Cộng lỗ tính thuế</b>			<b>(16.607.195.701)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(16.607.195.701)</b>

(i) Lỗ tính thuế được ghi nhận theo tờ khai thuế của Công ty.

Khoản lỗ thực tế có thể được mang sang để khấu trừ phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế địa phương.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận cho khoản lỗ tính thuế 16.607.195.701 VND được quyền chuyển sang năm sau do tính không chắc chắn của lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

**5.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm 2024 VND</b>	<b>Năm 2023 VND</b>
Chi phí nhân công	347.181.150	769.255.865
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	711.274.306	35.569.550
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.535.766.596	1.538.582.592
Thuế và các khoản lệ phí	18.254.430	32.414.041
Chi phí dịch vụ mua ngoài	858.759.450	431.134.243
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.932.773.030	291.676.722
Dự phòng phải thu khó đòi	9.541.947.817	-
Chi phí khác bằng tiền	1.438.968.672	1.734.846.310
<b>Cộng</b>	<b>19.384.925.451</b>	<b>4.833.479.323</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty bao gồm các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty và các cổ đông lớn.

**Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

***Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc***

	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng thu nhập của Ban Giám đốc</b>	<b>13.241.351</b>	<b>171.356.160</b>
Bà Trần Thị Thu Thủy - Tổng Giám đốc	13.241.351	171.356.160
<b>Cộng</b>	<b>13.241.351</b>	<b>171.356.160</b>

***Thu nhập của Ban kiểm soát***

Trong năm 2024, thu nhập của Ban Kiểm soát là 0 VND (thu nhập của Ban Kiểm soát trong năm 2023 là 0 VND).

**6.2 Thông tin khác**

Ngày 13/8/2024 Ủy ban chứng khoán nhà nước ban hành công văn số 5113/UBCK-GSĐC về việc đề nghị hủy đăng ký công ty đại chúng. Theo đó, căn cứ theo hồ sơ của Công ty, Công ty hiện không đủ điều kiện là công ty đại chúng từ ngày 22/7/2024 do có 128 cổ đông không phải là cổ đông lớn nắm giữ 8,89% số cổ phiếu có quyền biểu quyết, không còn đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng theo quy định tại điểm a, khoản 1, điều 32 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019. Do vậy, sau 01 năm kể từ ngày không đáp ứng các điều kiện công ty đại chúng (ngày 22/7/2024), UBCKNN đề nghị Công ty nộp hồ sơ hủy tư cách công ty đại chúng đến UBCKNN theo quy định tại Điều 39 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.

**6.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Từ ngày 01/01/2025 đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty đã thực hiện một số giao dịch nộp/rút tiền mặt. Theo đó, số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày phát hành báo cáo tài chính này là 30.189.573.438 VND.

Ngoài sự kiện nêu trên, Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**6.4 Số liệu so sánh**

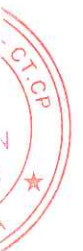
Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam.



Trần Thị Thu Thủy  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 3 năm 2025

Đỗ Thị Thường  
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thường  
Người lập



**RSM Việt Nam**

Văn phòng Hà Nội  
Tầng 25 Tháp A, Tòa nhà Discovery Complex,  
Số 302 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng,  
Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

T: 024 3795 5353 F: 024 3795 5252  
Hotline: 098 8139 090

contact\_hn@rsm.com.vn  
www.rsmhanoi.com.vn

Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh  
Tầng 3A, Tòa nhà L'Mak The Signature  
147-147 Hai Bà Trưng  
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3  
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T: 028 3827 5026  
contact\_hcm@rsm.com.vn

www.rsm.global/vietnam

RSM Việt Nam là một thành viên của mạng lưới RSM và giao dịch dưới dạng RSM. RSM là tên giao dịch được sử dụng bởi các thành viên của mạng lưới RSM. Mỗi thành viên của mạng lưới RSM là một công ty tư vấn và kế toán độc lập, mỗi công ty đều hoạt động theo quyền riêng của mình. Mạng lưới RSM không phải là một thực thể pháp lý riêng biệt của bất kỳ mô tả nào trong bất kỳ quyền thực thi pháp lý nào.

Mạng lưới RSM không phải là một thực thể pháp lý riêng biệt của bất kỳ mô tả nào trong bất kỳ quyền thực thi pháp lý nào. Mạng lưới RSM được quản lý bởi RSM International Limited, một công ty đã đăng ký tại Anh và xứ Wales (mã số công ty 4040598) có văn phòng tại 50 Cannon Street, London EC4N 6JJ. Thương hiệu RSM và các quyền sở hữu trí tuệ khác được sử dụng bởi các thành viên của mạng lưới thuộc quyền sở hữu của Hiệp hội Quốc tế RSM, một hiệp hội chịu sự điều chỉnh của điều 60 và điều khoản của Bộ luật Dân sự Thụy Sĩ có trụ sở tại Zug.